

Bản án số: 04/2026/KDTM-PT
Ngày: 02/4/2026
V/v Tranh chấp hợp mua bán

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Trung

Các Thẩm phán: Bà Ngô Thị Kim Châu

Ông Nguyễn Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2026/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 13/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N;

Địa chỉ: Lô A, Khu công nghiệp B, xóm M, phường C, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Wan J, sinh năm 1973; chức vụ: Tổng Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng M, sinh 1996; Địa chỉ: Số C X, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (giấy ủy quyền ngày 03/3/2026).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Lê Đức Anh T
– Công ty L – Đoàn luật sư thành phố H

- Bị đơn:

1. Bà Dương Thị Hồng P, sinh năm 1982- Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản H; địa chỉ: Tổ A, ấp V, xã V, tỉnh An Giang.

2. Ông Huỳnh Nhan Thiện T1, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Ấp V, xã V, tỉnh An Giang;

Người đại diện hợp pháp của ông Huỳnh Nhan Thiện T1: Ông Hồ Trung C, sinh 1970. Địa chỉ: Ấp L, xã L, tỉnh An Giang (văn bản ủy quyền ngày 30/3/2026)

- Người kháng cáo: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N trình bày như sau:

Vào ngày 01/01/2023 Công ty TNHH N và bà Dương Thị Hồng P - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản Hồng Phượng ký Hợp đồng đại lý số 08/2023/NHVL/HĐDL ngày 01/01/2023 và Phụ lục Hợp đồng đại lý ngày 01/01/2013 thỏa thuận bổ sung phần chiết khấu bán hàng và ký Đơn xin nợ qua tín chấp ngày 01/01/2023 thỏa thuận hạn mức công nợ chấp nhận cao nhất là 9.700.000.000 đồng; thỏa thuận thời hạn công nợ từ ngày 01/01/2023 đến ngày 20/12/2023; thỏa thuận thời gian xoay chuyển công nợ qua tín chấp là 90 ngày.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 31/12/2022 Công ty TNHH N đã cung cấp thức ăn cho bà P với tổng số tiền còn nợ là 28.187.631.512 đồng.

Từ ngày 01/01/2023 đến hết ngày 31/10/2023 bà P đã mua thức ăn cám của Công ty TNHH N với tổng sản lượng là 658.730 tấn thức ăn tương đương số tiền 11.762.125.250 đồng.

Tổng công nợ của năm 2022 và năm 2023 là 39.949.756.762 đồng.

Công ty TNHH N đã trừ chiết khấu đại lý năm 2022 cho bà P là 734.434.922 đồng; tổng số tiền P đã chuyển trả cho Công ty TNHH N từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/10/2023 để thanh toán công nợ năm 2022 là 24.683.385.996 đồng và số tiền chiết khấu của năm 2023 là 732.601.958 đồng. Do đó số tiền bà P còn nợ là 13.799.333.886 đồng (Trong đó: Công nợ được Ngân hàng bảo lãnh thanh toán là 5.300.000.000 đồng; công nợ tín chấp là 8.499.333.886 đồng).

Nay Công ty TNHH N yêu cầu bà P và ông T1 phải trả tiền mua thức ăn còn nợ là 8.499.333.886 đồng; tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 21/12/2023 đến ngày 13/10/2025 là 2.770.782.847 đồng, tổng cộng là 11.270.116.733 đồng và yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản tiền còn nợ.

- Bị đơn bà Dương Thị Hồng P được Tòa án thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án và không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

- Ông Hồ Trung C là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Huỳnh Nhan Thiện T1 có ý kiến trình bày như sau: Ông T1 và bà P bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng vào tháng 8/2010 và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do có mối quan hệ hôn nhân chấp nối nên việc làm ăn của ai tự người đó biết và tự kinh doanh làm ăn riêng nên không thường xuyên chung sống một nhà, vì vậy ông bà có lập Văn bản xác định nghĩa vụ và các quyền về giao dịch và tài sản đề ngày 10/9/2016, mục đích lập văn bản này để xác định nghĩa vụ về tài sản và nợ trong quá trình kinh doanh. Bà P làm đại lý phân phối thức ăn, ông T1 làm nghề san lấp mặt bằng, cải tạo đất; do đó việc bà P ký hợp đồng mua bán thức ăn với Công ty TNHH N thì ông T1 không biết và không có ký tên vào hợp đồng đại lý. Ông T1 không lần nào nhận thức ăn từ phía Công ty TNHH N giao

cho bà P và cũng không có ký xác nhận công nợ với Công ty TNHH N. Nay ông C đại diện theo ủy quyền của ông T1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH N và yêu cầu hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 05/01/2024 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) đối với việc phong tỏa tài sản của ông T1.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 04/4/2024 đã xử:

Căn cứ vào các Điều 166, 167, 168, 169, 171, 175, 176 của Luật Thương mại năm 2005; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn N.

1. Buộc chị Dương Thị Hồng P và anh Huỳnh Nhan Thiện T1 trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn N số tiền công nợ là 8:499.333.886 đồng (*Tám tỷ bốn trăm chín mươi chín triệu ba trăm ba mươi ba nghìn tám trăm tám mươi sáu đồng*).

2. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa chịu trả các khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán (1,2%/tháng) tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005.

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 05/01/2024 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 27/6/2024 bà Dương Thị Hồng P và ông Huỳnh Nhan Thiện T1 kháng cáo.

Tại bản án số 01/2025/KDTM-PT ngày 15/01/2025 ngày 15/01/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2024/KDTM-ST ngày 04 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long về việc "Tranh chấp hợp đồng đại lý" giữa nguyên đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn N với bị đơn là bà Dương Thị Hồng P. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 13/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại tòa án năm 2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a, b khoản 1 điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 430, 434 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 50, 55, 166, 167, 168, 169, 171, 175, 176, 306 Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ vào Điều 28 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N**.

- Buộc bà **Dương Thị Hồng P** - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản **Hồng P** phải trả cho **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N** tiền mua thức ăn còn nợ là 8.499.333.886 đồng, tiền lãi là 2.770.782.847 đồng. Tổng cộng là 11.270.116.733 đồng (*Mười một tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, một trăm mười sáu ngàn, bảy trăm ba mươi ba đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông **Huỳnh Nhan Thiện T1** phải liên đới nghĩa vụ với bà **Dương Thị Hồng P** - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản **Hồng P** trả nợ cho **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N**.

3. Hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 05/01/2024 về việc "Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng" đối với tài khoản tiền gửi thanh toán số 070134022602 ngày 21/10/2022 tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh A - Phòng G**, An Giang của ông **Huỳnh Nhan Thiện T1** và hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 10/01/2024 về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với 03 xe ô tô biển số **67C-044.69**, loại xe ô tô tải, nhãn hiệu Suzuki, số loại SK410K, màu sơn: Trắng, số khung DA21TVN101873, số máy F10A1063468, dung tích xi lanh 970cm³, năm sản xuất: 2001, số chỗ ngồi: 03, trọng tải: 750kg, khối lượng bản thân: 675kg; xe ô tô biển số **67A-022.36**, loại xe ô tô con, nhãn hiệu Hyundai, số loại Avante, màu sơn: Đen, số khung RLUDT41BADN005628, số máy G4FCDU613067, dung tích xi lanh 1591 cm³, năm sản xuất: 2013, số chỗ ngồi: 05, khối lượng toàn bộ: 1680kg và xe ô tô biển số **67L-9086**, loại xe tải thùng có mui phủ, nhãn hiệu JAC, số loại TRA 1040, màu sơn: Xanh, số khung RRGTT82D48B000013, số máy YSD490QY71312812Z, dung tích xi lanh 2540cm³, năm sản xuất: 2008, số chỗ ngồi: 03, khối lượng bản thân: 4155kg thuộc quyền sở hữu của ông **Huỳnh Nhan Thiện T1**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật thì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 05/01/2024 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) bị hủy bỏ một phần. Các phần còn lại của Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 05/01/2024 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 10/01/2024 vẫn tiếp tục duy trì.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên tiền án phí nghĩa vụ do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/10/2025 Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N kháng cáo yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm buộc ông Huỳnh Nhan Thiện T1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Dương Thị Hồng P trả nợ cho công ty và tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của ông T1, yêu cầu tính lãi từ ngày 13/10/2025 cho đến khi trả xong nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn: Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 4/4/2024 ông Nguyễn Minh T2 là người đại diện của ông T1 đồng ý trả nợ, bà P cũng khai tại phiên tòa hôm nay là đại lý mục đích sinh hoạt thiết yếu cho gia đình và ông truat cũng biết việc mua bán này. Khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Buộc bà P và ông T1 phải trả tiền mua thức ăn còn nợ là 8.499.333.886 đồng; tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 21/12/2023 đến ngày 13/10/2025 là 2.770.782.847 đồng, tổng cộng là 11.270.116.733 đồng và yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong khoản tiền còn nợ. Giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 05/01/2024 và Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 10/01/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3- Vĩnh Long).

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 306, khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 440, Điều 468 Bộ Luật Dân sự năm 2015; Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; khoản 1 Điều 79 Nghị định 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ; Điều 26, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của U, đề nghị Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N. Sửa một phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Vĩnh Long.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N. Buộc bà Dương Thị Hồng P – chủ hộ kinh doanh Dương Thị Hồng P thanh toán cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N số tiền nợ vốn 8.449.333.886 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/12/2023 đến ngày 13/10/2025 số tiền 2.770.782.847 đồng.

Bà **Dương Thị Hồng P** – chủ hộ kinh doanh **Dương Thị Hồng P** phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 14/10/2025 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng 1,5%/tháng.

Không chấp nhận yêu cầu của **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N** về việc yêu cầu buộc ông **Huỳnh Nhan Thiện T1** có trách nhiệm liên đới cùng với bà **Dương Thị Hồng P** thanh toán số tiền nợ, tiền lãi cho **công ty TNHH N**.

Hủy một phần phần Quyết định số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 05/01/2025 đối với việc áp dụng biện pháp “Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng” đối với tài khoản tiền gửi tiết kiệm số 070134022602 ngày 21/10/2022 tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh A - Phòng G** của ông **Huỳnh Nhan Thiện T1**.

Hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số số 03/2024/QĐ- BPKCTT ngày 10/01/2024 đối với việc áp dụng biện pháp “Phong tỏa tài sản người có nghĩa vụ” đối với 03 xe ô tô biển số 67C-044.69, 67A - 022.36, 67L-9086 thuộc quyền sở hữu của ông **Huỳnh Nhan Thiện T1**.

Duy trì một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT về việc áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản tại ngân hàng đối với tài khoản tiền gửi tiết kiệm số 070096426389 ngày 04/12/2018 mở tại **Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh A - Phòng G** của bà **P** và tiếp tục duy trì một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT 2024/QĐ-BPKCTT về việc phong tỏa tài sản người có nghĩa vụ đối với 04 xe ô tô biển số 67C-133.44, 67C-080.01, 67C-064.24, 67L-5733 thuộc quyền sở hữu của bà **P** để đảm bảo thi hành án.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N** không phải chịu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N** còn trong hạn luật định, nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xét xử phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N** yêu cầu sửa một phần bản án sơ thẩm buộc ông **Huỳnh Nhan Thiện T1** phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà **Dương Thị Hồng P** trả nợ cho công ty và tiếp tục duy trì áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tài sản của ông **T1**.

Bà **Dương Thị Hồng P** là chủ hộ đăng ký kinh doanh cửa hàng thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản Hồng Phương theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 52K 8007306 của **Phòng kế hoạch Tài chính huyện T**. Ngày 01/3/2023 bà **P** ký hợp đồng đại lý số 08/2023/NHVL/HĐĐL với **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N**. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà **P** không thanh toán hết tiền đã nhận hàng hóa nên công ty khởi kiện yêu cầu bà **P** và ông **T1** trả tiền mua thức ăn còn nợ là

8.499.333.886 đồng; tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo mức lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 21/12/2023 đến ngày 13/10/2025 là 2.770.782.847 đồng.

Ông **T1** không đồng ý trả số nợ trên do không có lần nào nhận thức ăn từ phía Công ty TNHH N giao cho bà **P** và cũng không có ký xác nhận công nợ với Công ty TNHH N. Công ty TNHH N cũng thừa nhận khi ký hợp đồng và giao nhận hàng hóa chỉ giao dịch với bà **P**.

Bà **P** và ông **T1** là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn. Ngày 10/9/2016 bà **P** và ông **T1** có lập văn bản xác định nghĩa vụ và các quyền về giao dịch và tài sản, mục đích lập văn bản này để xác định nghĩa vụ về tài sản và nợ trong quá trình kinh doanh.

Theo Công văn số 367/PTCKH ngày 18/11/2024 của Phòng Tài chính, kế hoạch huyện T, tỉnh An Giang xác định Hộ kinh doanh do bà **P** đứng tên không có thành viên tham gia thành lập hộ.

Theo Khoản 1 Điều 79 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP quy định: Hộ kinh doanh do cá nhân hoặc các thành viên hộ đăng ký thành lập chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh của hộ.

Công ty TNHH N không đưa ra được chứng cứ chứng minh ông **T1** có cùng với bà **P** cùng thực hiện hợp đồng mua bán với công ty.

Theo Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định giữa vợ, chồng có các nghĩa vụ chung về tài sản sau:

- Nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch do vợ, chồng cùng thỏa thuận xác lập, nghĩa vụ bồi thường thiệt hại mà theo quy định của pháp luật vợ, chồng cùng phải chịu trách nhiệm.

- Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

- Nghĩa vụ phát sinh từ việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung.

- Nghĩa vụ phát sinh từ việc sử dụng tài sản riêng để duy trì, phát triển khối tài sản chung hoặc để tạo ra nguồn thu nhập chủ yếu của gia đình.

- Nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do con gây ra mà theo quy định của Bộ luật Dân sự thì cha mẹ phải bồi thường.

- Nghĩa vụ khác theo quy định của các luật có liên quan.

Theo quy định trên của pháp luật thì ông **T1** không phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà **P** trả nợ do bà **P** kinh doanh riêng.

Bên nguyên đơn không có tài liệu, chứng cứ thể hiện ông **T1** biết việc bà **P** hợp đồng mua bán với công ty TNHH N, đồng thời không có căn cứ để xác định bà **P** mua bán với công ty nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thiết yếu của gia đình theo quy định tại Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ đó không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH N buộc ông Huỳnh Nhan Thiện **T1** phải liên đới trả nợ. Do ông **T1** không có nghĩa vụ trả nợ nên Tòa án cấp sơ thẩm hủy bỏ một phần quyết định áp dụng khẩn cấp tạm thời tài sản của ông **T1** là phù hợp nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của Công ty TNHH N.

[3] Xét việc kháng cáo yêu cầu tính lãi của công ty TNHH N kể từ ngày 13/10/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Theo quy định tại điều 306 Luật thương mại quy định: *Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.*

Tại Văn bản thỏa thuận phân kỳ trả nợ tín chấp ký ngày 06/7/2023 giữa bà **P** và **công ty TNHH N** thì bên bà **P** không trả nợ đúng kỳ thì chịu lãi chậm trả trên tổng số nợ còn lại chưa thanh toán với mức lãi suất 1,5%. Thời gian tính từ ngày 01/01/2023.

Tại quyết định của bản án sơ thẩm đã tuyên: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác là không đúng thỏa thuận của các bên và Điều 306 của Luật thương mại.

Tòa án cấp phúc thẩm sửa lại như sau:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm (14/10/2025), bà **Dương Thị Hồng P** chậm trả số tiền gốc (8.499.333.886 đồng) thì phải trả thêm lãi bằng mức lãi suất 1,5%/ tháng cho đến khi trả xong tiền nợ. Đối với tiền lãi 2.770.782.847 đồng, kể từ ngày **Công ty TNHH N** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nếu bà **Dương Thị Hồng P** chậm trả số tiền lãi 2.770.782.847 đồng thì phải chịu thêm tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4] Bản án sơ thẩm xác định bà **Dương Thị Hồng P**, sinh năm 1982- Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng thức ăn gia súc, gia cầm, **thủy sản H**; địa chỉ: **Tổ A, ấp V, xã V, tỉnh An Giang** là bị đơn là đúng. Tuy nhiên xác định thêm Người đại diện hộ kinh doanh là bà **Dương Thị Hồng P** là thừa bởi lẽ hộ kinh doanh không có tư cách pháp nhân nên cấp phúc thẩm ghi lại tư cách bị đơn của bà **P** trong vụ án.

[4] Ý kiến của kiểm sát viên là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận. Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn Hội đồng xét xử có cân nhắc xem xét nhưng không có cơ sở chấp nhận

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị tiếp tục có hiệu lực thi hành.

[5] Về án phí: Kháng cáo của **công ty TNHH N** được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ, khoản 1 Điều 55, Điều 306, khoản 3 Điều 317, Điều 319 của Luật Thương mại 2005;

Căn cứ Điều 37, Điều 45 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N.

- Sửa một phần bản án sơ thẩm số 03/2025/KDTM-ST ngày 13/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Vĩnh Long.

Tuyên xử:

- Buộc bà Dương Thị Hồng P - Chủ hộ Kinh doanh Cửa hàng thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản Hồng P phải trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N tiền mua thức ăn còn nợ là 8.499.333.886 đồng, tiền lãi là 2.770.782.847 đồng. Tổng cộng là 11.270.116.733 đồng (Mười một tỷ, hai trăm bảy mươi triệu, một trăm mười sáu ngàn, bảy trăm ba mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm (14/10/2025), bà Dương Thị Hồng P chậm trả số tiền gốc (8.499.333.886 đồng) thì phải trả thêm lãi bằng mức lãi suất 1,5%/ tháng cho đến khi trả xong tiền nợ. Đối với số tiền lãi 2.770.782.847 đồng, kể từ ngày Công ty TNHH N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong nêu bà Dương Thị Hồng P chậm trả số tiền lãi 2.770.782.847 đồng thì phải chịu thêm tiền lãi bằng mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Huỳnh Nhan Thiện T1 phải liên đới nghĩa vụ với bà Dương Thị Hồng P trả nợ cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N.

- Hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2024/QĐ-BPKCTT ngày 05/01/2024 về việc "Phong tỏa tài khoản tại ngân hàng" đối với tài khoản tiền gửi thanh toán số 070134022602 ngày 21/10/2022 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S - Chi nhánh A - Phòng G, An Giang của ông Huỳnh Nhan Thiện T1 và hủy một phần Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 10/01/2024 về việc "Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với 03 xe ô tô biển số 67C-044.69, loại xe ô tô tải, nhãn hiệu Suzuki, số loại SK410K, màu sơn: Trắng, số khung DA21TVN101873, số máy F10A1063468, dung tích xi lanh 970cm³, năm sản xuất: 2001, số chỗ ngồi: 03, trọng tải: 750kg, khối lượng bản thân: 675kg; xe ô tô biển số 67A-022.36, loại xe ô tô con, nhãn hiệu Hyundai, số loại Avante, màu sơn: Đen, số khung RLUDT41BADN005628, số máy G4FCDU613067, dung tích xi lanh 1591 cm³, năm sản xuất: 2013, số chỗ ngồi: 05, khối lượng toàn bộ: 1680kg và xe ô tô biển số 67L-9086, loại xe tải thùng có mui phủ, nhãn hiệu JAC, số loại TRA 1040, màu sơn: Xanh, số khung RRGTT82D48B000013, số máy YSD490QY71312812Z, dung tích xi lanh 2540cm³, năm sản xuất: 2008, số chỗ ngồi: 03, khối lượng bản thân: 4155kg thuộc quyền sở hữu của ông Huỳnh Nhan Thiện T1.

- Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn N 2.000.000đ số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0006978 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND khu vực 3 – Vĩnh Long;
- Phòng THDS khu vực 3 – Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thành Trung